TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76** /2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thu Hà.**

Ông **Châu Văn Nhâm.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2023 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị Q,** sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Lê Công L,** sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(*Chị Q, anh L vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2023, bản tự khai, trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Cao Thị Q trình bày: Vào năm 2011, chị và anh Lê Công L tự

nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, cuộc sống anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, anh L thường xuyên ăn nhậu, đánh đập vợ con và không có trách nhiệm với gia đình. Nay chị không còn tình cảm với anh L, do đó yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Lê Công H, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 14/5/2020. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Công L trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị Q về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị Q. Anh chị đã không còn sống chung từ tháng 03/2023 cho đến nay. Nay chị Q yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì anh cũng không còn tình cảm với chị Q.

Anh chị có 02 con chung tên là Lê Công H, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 14/5/2020. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q, chị Q được ly hôn với anh L; Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lê Công H, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 14/5/2020 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị Q, anh Lê Công L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị Q, anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Cao Thị Q có đơn khởi kiện ly hôn với anh Lê Công L, do đó xác định chị Q là nguyên đơn, anh L là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Q và anh Lê Công L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2011 tại xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: Chị Cao Thị Q cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ, đánh đập nhau. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2023 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Quá trình làm việc anh Lê Công L thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, nay anh không còn tình cảm với chị Q, do đó, anh đồng ý ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Cao Thị Q và anh Lê Công L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Anh chị thỏa thuận giao 02 con chung là Lê Công H, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 14/5/2020 cho chị Cao Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Cao Thị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 131, Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Q ly hôn anh Lê Công L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Công H, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 14/5/2020 cho chị Cao Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007365 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Chị Cao Thị Q, anh Lê Công L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *CCTHADS H.Xuân Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi kết hôn;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ